

Số: 2716/SYT-TTra

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 11 năm 2015

V/v tổ chức tổng kết 10 năm thực
hiện Luật phòng chống tham nhũng

Kính gửi: Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở;

Thực hiện Kế hoạch số 5775/KH-UBND ngày 01/9/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng và Công văn chỉ đạo số 7215/UBND-NC ngày 26/10/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng. Sở Y tế yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở tổ chức thực hiện các nội dung sau:

1. Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng tại đơn vị, thời gian tổ chức trước ngày 20/11/2015.

2. Các cơ quan, đơn vị nghiên cứu kỹ Đề cương hướng dẫn báo cáo của UBND Tỉnh, xây dựng nội dung báo cáo tổng kết 10 năm đầy đủ nội dung theo chỉ đạo, phân tích đánh giá đúng ưu điểm, khuyết điểm trong thời gian qua; có số liệu cụ thể, không nêu chung chung. Từ kết quả thực hiện, có kiến nghị đề xuất trong việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng; đề xuất khen thưởng việc thực hiện Luật phòng chống tham nhũng (nếu có).

3. Giao cho Thanh tra Sở hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc tổ chức, thực hiện tại các đơn vị; Tổng hợp, xây dựng nội dung báo cáo tổng kết 10 năm đầy đủ nội dung theo chỉ đạo trong toàn ngành và tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức Hội nghị của Ngành dự kiến tổ chức vào ngày 23/11/2015.

Sở Y tế yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung nêu trên. Báo cáo kết quả về Thanh tra Sở trước ngày 20/11/2015 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

(Các cơ quan, đơn vị truy cập trang thông tin điện tử Sở Y tế Khánh Hòa để nhận: - Công văn chỉ đạo số 7215/UBND-NC ngày 26/10/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

- Kế hoạch số 5775/KH-UBND ngày 01/9/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

- Đề cương hướng dẫn báo cáo theo Kế hoạch số 5775/KH-UBND ngày 01/9/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

- Phụ lục số 1, 2, 3 và 4.)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thanh tra Tỉnh;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Lưu VT, TTra.

GIÁM ĐỐC



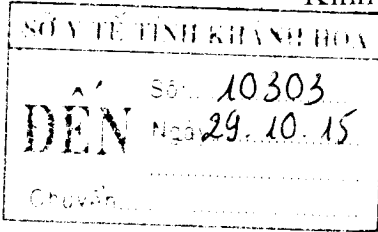
Bùi Xuân Minh

Số: 215/UBND-NC

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 10 năm 2015

V/v tổ chức tổng kết
10 năm thực hiện Luật
PCTN.

Kính gửi:



- UBMTTQVN và các đoàn thể thuộc tỉnh;
- Giám đốc các sở, ban, ngành;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- Trường Chính trị tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh;
- Các Ban Quản lý thuộc tỉnh;
- Các Trường Cao đẳng thuộc tỉnh;

Thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 5775/KH-UBND ngày 01/9/2015 về tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh; đến nay, nhiều cơ quan đơn vị đã gửi báo cáo tổng kết theo thời hạn quy định. Tuy nhiên, việc tổng kết của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cho thấy: Hầu hết các đơn vị mới làm báo cáo gửi UBND tỉnh, chưa chỉ đạo tổ chức Hội nghị tổng kết từ cơ sở nên việc tổng kết có tác động rất hạn chế đến cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị. Báo cáo các đơn vị gửi về chưa đánh giá đầy đủ được tình hình triển khai và kết quả thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng tại các đơn vị trong thời gian qua; nội dung báo cáo còn sơ sài, thiếu số liệu, chưa phân tích đánh giá được những mặt đã làm được, những mặt chưa làm được và nêu được đề xuất, kiến nghị. Chưa có đơn vị nào đề xuất việc khen thưởng trong việc thực hiện Luật PCTN trong thời gian qua.

Từ tình hình thực tế trên, UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khẩn trương thực hiện các nội dung sau:

1. Chỉ đạo tiến hành tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng từ cơ sở. Cấp huyện và sở ngành phải tổ chức Hội nghị tổng kết với thành phần là lãnh đạo, thủ trưởng cấp mình, cấp dưới trực tiếp, tổ chức đảng, các đoàn thể trong cơ quan, đơn vị

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị nghiên cứu kỹ Đề cương hướng dẫn báo cáo của UBND tỉnh, xây dựng nội dung báo cáo tổng kết 10 năm đầy đủ nội dung theo chỉ

đạo, phân tích đánh giá đúng ưu, khuyết trong thời gian qua; có số liệu cụ thể, không nêu chung chung. Từ kết quả thực hiện, có kiến nghị, đề xuất với tỉnh, trung ương trong việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

3. Đề xuất khen thưởng việc thực hiện Luật PCTN (nếu có) gửi về Thanh tra tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Thời gian các cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức Hội nghị tổng kết trong tháng 11/2015; Hội nghị của UBND tỉnh dự kiến tổ chức trong tháng 12/2015.

4. Giao Thanh tra tỉnh nghiên cứu Quyết định số 147/QĐ-BCĐTKLPCTN ngày 23/9/2015 của Ban Chỉ đạo tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng về việc ban hành Kế hoạch triển khai hoạt động chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá công tác tổng kết 10 năm thực hiện thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện theo chỉ đạo trên. Quá trình triển khai nếu có phát sinh các vướng mắc, liên hệ với Thanh tra tỉnh (Phòng Phòng, chống tham nhũng – ĐT liên hệ 0905886779) để được hướng dẫn thực hiện./.

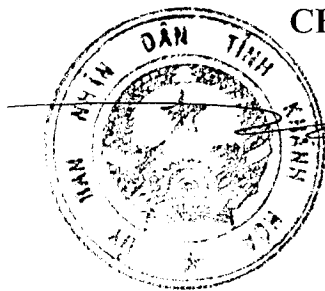
(Đính kèm:

- QĐ số 147/QĐ-BCĐTKLPCTN ngày 23/9/2015 của Ban Chỉ đạo về tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN;
- Kế hoạch triển khai hoạt động chỉ đạo;
- Các Phụ lục I, II)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh;
- Lưu VT, LT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Chiến Thắng

**BAN CHỈ ĐẠO TỔNG KẾT
10 NĂM THỰC HIỆN LUẬT PCTN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 147/QĐ-BCĐTKLPCTN

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2015

UBND. TỈNH KHÁNH HÒA	
ĐẾN	Số: 4657
	Ngày: 28/9
Chuyển.....	

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai
hoạt động chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra,
đánh giá công tác tổng kết 10 năm thực hiện
Luật Phòng, chống tham nhũng**

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng;

Xét đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ, Phó trưởng Ban Chỉ đạo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng,

QUYẾT ĐỊNH:

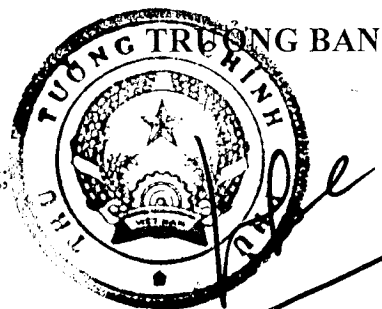
Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Kế hoạch triển khai hoạt động chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá công tác tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các thành viên Ban Chỉ đạo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam;
- ĐHQG Hà Nội, ĐHQG TP Hồ Chí Minh;
- Thành viên Ban Chỉ đạo TKLPCTN;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ;
- Lưu: VT, BCĐTKLPCTN (3b).XH 265



PHÓ THỦ TƯỚNG
Nguyễn Xuân Phúc

KẾ HOẠCH

Triển khai hoạt động chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá công tác tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 147/QĐ-BCĐTKLPCTN ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Ban Chỉ đạo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng)

Thực hiện Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, Ban Chỉ đạo ban hành Kế hoạch triển khai hoạt động chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá công tác tổng kết như sau:

1. Mục đích

- Nhằm bảo đảm cho việc tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng được thực hiện theo đúng mục đích, yêu cầu, nội dung và thời hạn đề ra trong Kế hoạch tổng kết đã được Ban Chỉ đạo ban hành; kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổng kết.

- Đánh giá được chất lượng, hiệu quả của công tác tổ chức tổng kết tại các Bộ, ngành, địa phương qua đó làm rõ kết quả tổng kết, phục vụ cho việc tổng hợp, xây dựng báo cáo tổng kết phạm vi toàn quốc và đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; phát hiện những nơi làm tốt để biểu dương, khen thưởng; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những nơi tiến hành tổng kết chưa đáp ứng yêu cầu.

2. Yêu cầu

- Hoạt động chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác tổng kết được tiến hành thường xuyên trong suốt quá trình tiến hành tổng kết; không làm hạn chế tính chủ động, sáng tạo của Bộ, ngành, địa phương, cơ quan trong quá trình tổng kết.

- Hoạt động đánh giá được tiến hành sau khi các Bộ, ngành, địa phương kết thúc hoạt động tổng kết, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, cụ thể.

3. Nội dung

- Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc việc quán triệt, triển khai kế hoạch tổng kết, xây dựng báo cáo tổng kết, tổ chức hội nghị tổng kết đối với tất cả các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, giải đáp, tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong việc tổ chức hoạt động tổng kết khi Bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan có yêu cầu, kiến nghị, phản ánh.

- Kiểm tra việc tổ chức tổng kết tại một số Bộ, ngành, địa phương, cơ quan.

- Đánh giá việc tổ chức tổng kết đối với tất cả các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan theo tiêu chí chung.

4. Tổ chức thực hiện

- Trưởng Ban Chỉ đạo phân công các thành viên thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, đánh giá việc tổng kết đối với một số Bộ, ngành, địa phương, cơ quan (có phụ lục 01 kèm theo).

- Các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm chủ trì kiểm tra việc tổng kết, đồng thời tham dự, trực tiếp chỉ đạo công tác tổng kết tại hội nghị tổng kết của ít nhất 02 Bộ, ngành, địa phương, cơ quan trong phạm vi được phân công (không bao gồm cơ quan của thành viên Ban Chỉ đạo). Quy trình kiểm tra của thành viên Ban Chỉ đạo đối với việc tổng kết của Bộ, ngành, địa phương, cơ quan thực hiện theo các bước sau:

+ Nghe báo cáo, góp ý về việc triển khai, quán triệt kế hoạch tổng kết;

+ Xem xét, đánh giá, góp ý đối với dự thảo báo cáo tổng kết;

+ Xem xét, đánh giá, góp ý kế hoạch và công tác chuẩn bị tổ chức Hội nghị tổng kết;

+ Cho ý kiến về việc tổ chức hội nghị tổng kết khi dự thảo báo cáo, kế hoạch, công tác chuẩn bị đã cơ bản bảo đảm (Bộ, ngành, cơ quan được kiểm tra chỉ tổ chức hội nghị tổng kết khi có ý kiến đồng ý của thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện việc kiểm tra);

+ Dự hội nghị tổng kết, xem xét, đánh giá việc tổ chức hội nghị;

+ Xem xét, đánh giá báo cáo tổng kết chính thức; trường hợp cần thiết sẽ làm việc hoặc trao đổi với Bộ, ngành, địa phương để yêu cầu làm rõ nội dung báo cáo;

+ Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ tổng kết và thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá.

- Các Bộ, ngành, địa phương phân công cơ quan thanh tra làm đầu mối xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động tổng kết. Trường hợp cần thiết có thể thành lập Ban Chỉ đạo để chỉ đạo việc tổng kết. Căn cứ phạm vi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban Chỉ đạo, các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan chủ động liên hệ (qua cán bộ đầu mối giúp việc thành viên Ban Chỉ đạo) để trao đổi công việc, kiến nghị, phản ánh những vướng mắc, khó khăn cần được hướng dẫn, chỉ đạo.

- Khi hoàn thành việc tổng kết, các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm tự chấm điểm, đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ tổng kết của Bộ, ngành, địa phương mình. Trên cơ sở đó, Ban Chỉ đạo sẽ xem xét, đánh giá việc tổng kết và thông báo kết quả đánh giá, phân loại tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng. Tiêu chí chấm điểm, đánh giá, phân loại có Phụ lục II kèm theo.

- Thanh tra Chính phủ phân công thành viên Tổ công tác liên ngành và các đơn vị chức năng thuộc Thanh tra Chính phủ tham gia, giúp thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc tổng kết; Thông báo kế hoạch kiểm tra, dự hội nghị tổng kết của thành viên Ban Chỉ đạo, danh sách cán bộ đầu mối giúp việc thành viên Ban Chỉ đạo để các Bộ, ngành, địa phương liên quan biết, thực hiện. Thời gian tiến hành kiểm tra, dự hội nghị tổng kết trong khoảng từ tháng 12 năm 2015 đến ngày 31 tháng 01 năm 2016.

Trên đây là Kế hoạch triển khai hoạt động chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá công tác tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng. Ban Chỉ đạo yêu cầu các thành viên Ban Chỉ đạo, các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan khẩn trương triển khai thực hiện./.

TRƯỞNG BAN



PHÓ THỦ TƯỚNG
Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục I

**PHÂN CÔNG THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO
THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN, ĐÔN ĐỐC,
KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TỔNG KẾT 10 NĂM
THỰC HIỆN LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**
(Ban hành kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 147/QĐ-BCĐTKLPCTN
ngày 25 tháng 9 năm 2015 của Ban Chỉ đạo Tổng kết
10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng)

TT	Các Phó Trưởng ban và thành viên Ban Chỉ đạo	Phân công chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc tổng kết tại các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan
1	Đ/c Nguyễn Xuân Phúc, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo	Phụ trách chung, chỉ đạo toàn diện việc tổ chức tổng kết
2	Đồng chí Huỳnh Phong Tranh, Tổng Thanh tra Chính phủ - Phó Trưởng ban Thường trực	Thường trực giúp Trưởng Ban Chỉ đạo chỉ đạo toàn diện việc tổ chức tổng kết; trực tiếp phụ trách chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc tổng kết đối với Văn phòng Trung ương, Thanh tra Chính phủ, Bộ Công Thương, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng
3	Đồng chí Nguyễn Văn Hiện, Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp của Quốc hội - Phó Trưởng ban	Văn phòng Quốc hội, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Xây dựng, thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh
4	Đồng chí Hà Ngọc Chiến, Phó trưởng Ban Nội chính Trung ương	Ban Nội chính Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Bộ Giáo dục và đào tạo, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Cao Bằng, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc
5	Đồng chí Trần Cẩm Tú, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương	Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Quốc phòng, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh
6	Đồng chí Phạm Trí Thức, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hội Luật gia Việt Nam

7	Đồng chí Nguyễn Hải Phong, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ
8	Đồng chí Vũ Văn Họa, Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước	Kiểm toán Nhà nước, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, Đồng Tháp
9	Đồng chí Nguyễn Văn Pha, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan Trung ương của các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình
10	Đồng chí Kiều Đình Thụy, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ	Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, Đài Truyền hình Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Khánh Hoà, Phú Yên, Bình Định, Ninh Thuận
11	Đồng chí Trần Đức Lượng, Phó Tổng Thanh tra Chính phủ, Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành giúp việc Ban Chỉ đạo	Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Tổ công tác liên ngành giúp việc Ban Chỉ đạo; tham gia giúp Phó Trưởng ban Thường trực chỉ đạo toàn diện việc tổng kết tại các Bộ, ngành, địa phương
12	Đồng chí Thượng tướng Lê Quý Vương, Thứ trưởng Bộ Công an	Bộ Công an, Thông tấn xã Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Vĩnh Long, Trà Vinh, Tây Ninh, Long An
13	Đồng chí Ngô Văn Khánh, Phó Tổng Thanh tra Chính phủ	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Bắc Kạn
14	Đồng chí Nguyễn Văn Trung, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Hòa Bình, Hà Giang, Tuyên Quang
15	Đồng chí Trần Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Nội vụ	Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Phước, Bình Thuận, Bình Dương
16	Đồng chí Vũ Thị Mai, Thứ trưởng Bộ Tài chính	Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình
17	Đồng chí Chu Phạm Ngọc Hiền, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị

18	Đồng chí Trương Minh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Tiếng nói Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông
19	Đồng chí Phan Chí Hiếu, Thứ trưởng Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Tiền Giang, Bến Tre
20	Đồng chí Nguyễn Phước Thanh, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước	Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ủy ban giám sát Tài chính Quốc gia, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam
21	Đồng chí Nguyễn Sơn, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao	Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân các tỉnh: An Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Đồng Nai.



Phụ lục II
TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM ĐỂ XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ
TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Ban hành kèm theo Quyết định tại Quyết định số 147/QĐ-BCĐTKLPCTN
ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Ban Chỉ đạo Tổng kết
10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng)

1. Tiêu chí chấm điểm:

- Quán triệt kế hoạch tổng kết đúng thời hạn: 10 điểm.
- Gửi dự thảo báo cáo đúng thời hạn: 10 điểm.
- Tổ chức Hội nghị tổng kết đúng thời hạn: 10 điểm.
- Chất lượng hội nghị tổng kết: 10 điểm.
- Gửi báo cáo tổng kết đúng thời hạn: 10 điểm.
- Chất lượng báo cáo tổng kết: 50 điểm.

Trong đó:

- + Phân tích, đánh giá rõ về công tác PCTN: 10 điểm;
- + Phân tích đánh giá rõ về tình hình tham nhũng: 10 điểm;
- + Phát hiện nhiều vướng mắc, bất cập và kiến nghị sửa đổi chính sách, pháp luật về PCTN: 20 điểm;
- + Kiến nghị rõ những giải pháp mới, đột phá: 10 điểm.

2. Đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ tổng kết:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tổng kết: Đạt từ 90 điểm trở lên.
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ tổng kết: Đạt từ 70 đến 89 điểm.
- Hoàn thành nhiệm vụ tổng kết: Đạt từ 50 đến 69 điểm.
- Không hoàn thành nhiệm vụ tổng kết: Đạt dưới 50 điểm.

Ghi chú:

- Thực hiện nhiệm vụ đúng thời hạn thì chấm điểm tối đa theo khung điểm. Chậm 01 ngày trừ 01 điểm.
- Mỗi nội dung khiếm khuyết, sơ xuất trong việc tổ chức hội nghị tổng kết trừ 01 điểm.
- Mỗi nội dung báo cáo tổng kết không đáp ứng yêu cầu của đề cương hướng dẫn báo cáo trừ 01 điểm./.

SỞ Y TẾ TỈNH KHÁNH HÒA	
Số: 8642	TỔ CHỨC TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
Ngày 11/9/15	
Chuyển	

KẾ HOẠCH

TỔ CHỨC TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua 29/11/2005; được sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2012. Để đánh giá kết quả đã đạt qua 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, trọng tâm hướng đến việc sửa đổi toàn diện Luật Phòng, chống tham nhũng, Thực hiện Quyết định số 98/QĐ-BCĐTKLPCTN ngày 13/8/2015 của Trưởng Ban Chỉ đạo tổng kết 10 thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và công văn số 2344/TTCP-C.IV ngày 14/8/2015 của Thanh tra Chính phủ, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng như sau:

I- Mục đích, yêu cầu:

1. Mục đích:

Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) nhằm đánh giá tình hình thực hiện Luật PCTN, thực trạng và hiệu quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng trên phạm vi cả tỉnh kể từ khi có Luật PCTN năm 2005 đến nay; làm rõ những kết quả đạt được, ưu điểm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém, vướng mắc, khó khăn và nguyên nhân; rút ra bài học kinh nghiệm, từ đó kiến nghị các biện pháp, giải pháp làm cơ sở cho việc hoàn thiện căn bản hệ thống chính sách, pháp luật về PCTN, trọng tâm là việc sửa đổi toàn diện Luật PCTN; tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện các giải pháp phòng, chống tham nhũng, đề ra các nhiệm vụ trọng tâm công tác PCTN giai đoạn tiếp theo.

2. Yêu cầu:

- Việc tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN phải bảo đảm toàn diện và sâu sắc; trên cơ sở đánh giá cụ thể kết quả thực hiện các quy định của Luật PCTN; bám sát các nhiệm vụ, giải pháp PCTN tại Nghị quyết Trung ương 3 Khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí; gắn với đánh giá tình hình thực hiện giai đoạn 2 Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về PCTN đến năm 2020 của UBND tỉnh, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 5 Khóa XI.

- Việc tổng kết phải được tiến hành nghiêm túc, khẩn trương. Đánh giá đúng những kết quả đã đạt được; những thiếu sót, khuyết điểm và nguyên nhân; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất những chủ trương, giải pháp phù hợp, thiết thực. Phát huy dân chủ, đề cao tính tự giác trong việc tự đánh giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

II- Nội dung:

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến Luật Phòng, chống tham nhũng, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật PCTN; Kế

hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020; Chương trình hành động của Chính phủ về PCTN, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

2. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về PCTN; kiện toàn tổ chức, biên chế, cán bộ, công chức PCTN; sự phối hợp công tác giữa các cơ quan.

3. Việc thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng: nêu cụ thể những kết quả đã đạt được theo từng biện pháp phòng ngừa tham nhũng quy định tại Luật PCTN, những việc chưa làm được, cũng như những khó khăn, hạn chế, tồn tại và phân tích rõ nguyên nhân; chú trọng phân tích sau một số nội dung theo Đề cương hướng dẫn gửi kèm.

4. Tình hình tham nhũng và việc phát hiện, xử lý tham nhũng; thu hồi tài sản tham nhũng

5. Hoạt động phối hợp các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án và các cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan trong PCTN.

6. Hoạt động giám sát công tác PCTN; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN.

7. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN.

8. Các đề xuất, kiến nghị, sáng kiến để thực hiện tốt những giải pháp PCTN; sửa đổi, bổ sung những quy định hiện hành còn bất cập; xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong giai đoạn tiếp theo.

III- Tổ chức thực hiện:

1. Các cấp, các ngành căn cứ vào Kế hoạch này, tiến hành việc tổng kết, sơ kết tại địa phương, đơn vị; xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng (thời kỳ từ 01/6/2006 đến 31/8/2015) theo *Đề cương, biểu mẫu hướng dẫn báo cáo* gửi kèm.

Ngoài việc báo cáo theo Đề cương hướng dẫn gửi kèm, các đơn vị sau báo cáo chi tiết, cụ thể kết quả thực hiện (có số liệu) các nội dung sau:

1.1. Sở Giáo dục- Đào tạo; Trường Chính trị tỉnh:

Tình hình, kết quả và đánh giá việc đưa nội dung PCTN vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án 137, Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Sở Tư pháp:

Kết quả thực hiện Đề án của Bộ Tư pháp về tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN và Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

1.3. Văn phòng Đoàn Đại biểu QH và Hội đồng nhân dân tỉnh:

Tình hình, kết quả hoạt động giám sát và hình thức giám sát của Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh trong công tác PCTN.

1.4. Các tổ chức chính trị- xã hội:

- Tình hình, kết quả hoạt động giám sát và hình thức giám sát của các tổ chức chính trị-xã hội và nhân dân trong công tác PCTN.

- Công tác phối hợp, triển khai của các cơ quan chức năng nhằm tạo điều kiện phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN;

- Kết quả tham gia PCTN của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, báo chí, Ban thanh tra nhân dân và nhân dân.

2. Về thời gian: Các địa phương, đơn vị gửi báo cáo tổng kết 10 thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và báo cáo sơ kết giai đoạn 2 của Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 về UBND tỉnh (qua Thanh tra tỉnh) **trước ngày 30/9/2015.**

3. Giao Thanh tra tỉnh:

+ Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị tổ chức thực hiện Kế hoạch này;

+ Tiếp nhận báo cáo của đơn vị gửi về; tổng hợp, dự thảo báo cáo tổng kết trình UBND tỉnh **trước ngày 15/11/2015** để báo cáo Thanh tra Chính phủ.

+ Tham mưu để UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng theo đúng thời gian quy định, Sau khi UBND tỉnh tổ chức hội nghị tổng kết, Thanh tra tỉnh tham mưu gửi báo cáo về Thanh tra Chính phủ theo quy định tại công văn số 2344/TTCP-C.IV ngày 14/8/2015 của Thanh tra Chính phủ.

Quá trình triển khai việc tổng kết, nếu có phát sinh vướng mắc, yêu cầu các đơn vị liên hệ Thanh tra tỉnh (phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng – số điện thoại 3.525384) để được hướng dẫn./.

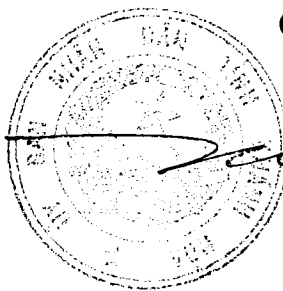
(Đính kèm:

- Đề cương hướng dẫn báo cáo;
- Các Phụ lục 1, 2, 3, 4)

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Thanh tra Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Ban Đảng thuộc tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể thuộc tỉnh; Doanh nghiệp NN thuộc tỉnh;
- Trường Chính trị tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HDND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Giám đốc các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- Lưu VT, LT. *6/5*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Chiến Thắng
Nguyễn Chiến Thắng

ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN BÁO CÁO
Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng
(Kèm theo Kế hoạch số 5775/KH-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG BÁO CÁO TỔNG KẾT

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát tình hình chung và những đặc điểm nổi bật của bộ, ngành, địa phương tác động tới công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCTN

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN, Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020, Chương trình hành động của Chính phủ về PCTN, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

- Việc triển khai thực hiện Luật PCTN, các Luật sửa đổi, bổ sung Luật PCTN và các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN;

- Nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác PCTN; tính tiên phong, gương mẫu của tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, công chức trong PCTN;

- Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN; hiệu quả và chất lượng thực hiện;

- Việc phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Luật PCTN, Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020, chương trình hành động của Chính phủ về PCTN, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

- Tình hình, kết quả và đánh giá việc đưa nội dung PCTN vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án 137, Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án của Bộ Tư pháp về tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN và Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

2. Việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về PCTN

- Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về PCTN theo thẩm quyền; hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên về PCTN.

- Việc hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội nhằm phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng.

- Việc hoàn thiện chính sách hình sự trong xử lý tham nhũng;

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

3. Mô hình tổ chức các cơ quan phòng, chống tham nhũng và sự phối hợp công tác giữa các cơ quan PCTN

- Việc tổ chức, bố trí cán bộ chuyên trách, phân định trách nhiệm trong các cơ quan chức năng phòng, chống tham nhũng; việc xây dựng, kiện toàn đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra cấp Bộ và Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-TTCT-BNV; việc thực hiện chế độ, chính sách, đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác PCTN.

- Công tác phối hợp của các cơ quan thanh tra, điều tra, viện kiểm sát, toà án và các cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan trong PCTN.

- Đánh giá hiệu quả của mô hình tổ chức PCTN hiện nay, chất lượng, hiệu quả của đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN.

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong việc kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan chức năng PCTN, trong việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

4. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

Nêu cụ thể những kết quả đã đạt được theo từng biện pháp phòng ngừa tham nhũng quy định tại Luật PCTN, những việc chưa làm được, cũng như những khó khăn, hạn chế, tồn tại và phân tích rõ nguyên nhân; chú trọng phân tích sâu một số nội dung sau:

- Công tác cải cách hành chính góp phần phòng ngừa tham nhũng;

- Thực hiện công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ;

- Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức;

- Công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước về các lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; công khai, minh bạch trong thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động đấu thầu sử dụng ngân sách nhà nước.

- Xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng; việc tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khi có dấu hiệu tham nhũng.

- Xây dựng và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn về tài chính và quản lý, sử dụng tài sản công (gắn với kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí).

- Thực hiện quyền tự chủ về tài chính, biên chế và giao khoán kinh phí hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có đủ điều kiện; thực hiện việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

- Thực hiện các quy định về minh bạch về tài sản thu nhập;

- Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức;

- Việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng;

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (về mua sắm công, xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng đất, quản lý và sử dụng nhà ở, quản lý dự án đầu tư xây dựng, cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước, huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân; việc giải quyết các công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân; trong lĩnh vực tài chính, ngân sách nhà nước, giáo dục, y tế, tư pháp, khoa học - công nghệ, thể dục, thể thao...);

- Việc thực hiện trách nhiệm giải trình trong thực thi nhiệm vụ, công vụ;

- Hoàn thiện và thực hiện các quy định về quản lý kinh tế - xã hội phục vụ công tác PCTN trong các hoạt động: Công tác cải cách hành chính; quản lý, sử dụng đất đai, công sở; hoạt động mua sắm công và công tác thu, chi ngân sách; quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu, chương trình quốc gia, kinh phí nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; quản lý vốn, tài sản của Nhà nước và nhân sự trong doanh nghiệp có vốn nhà nước;

- Các giải pháp đổi mới công nghệ quản lý và hạn chế tiêu dùng tiền mặt.

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

5. Việc phát hiện, xử lý tham nhũng:

- Kết quả phát hiện tham nhũng qua công tác tự kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra, truy tố, xét xử;

- Kết quả xử lý hành vi tham nhũng: Xử lý cá nhân tham nhũng, xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan.

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác phát hiện và xử lý tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

6. Công tác thu hồi tài sản tham nhũng.

- Tình hình thiệt hại do tham nhũng gây ra;

- Kết quả thu hồi tài sản và khắc phục thiệt hại do tham nhũng;

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác thu hồi tài sản tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

7. Hoạt động giám sát công tác PCTN; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN.

- Tình hình và kết quả hoạt động giám sát và hình thức giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong công tác PCTN;

- Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm: Thống kê theo phụ lục số 2;

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác giám sát công tác PCTN, thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

8. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN

- Công tác phối hợp, triển khai của các cơ quan chức năng nhằm tạo điều kiện phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN;

- Kết quả tham gia PCTN của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, báo chí, Ban thanh tra nhân dân và nhân dân.

- Tình hình thực hiện quy định của pháp luật về khen thưởng, bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng.

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong việc phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

9. Thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và hợp tác quốc tế về PCTN

- Việc thực thi các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 5 Khoá XI về PCTN, lãng phí;

- Kết quả các hoạt động hợp tác quốc tế trong PCTN.

- Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong thực thi Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng và công tác hợp tác quốc tế về PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về tình hình tham nhũng và nguyên nhân

- Khái quát về tình hình tham nhũng xảy ra tại bộ, ngành, địa phương (thông qua phân tích, đánh giá kết quả phát hiện, xử lý; phản ánh của dư luận, báo chí; kết quả khảo sát, điều tra xã hội học (nếu có);

- Đánh giá nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến tình hình tham nhũng; tác động của các biện pháp PCTN đối với tình hình; sự thay đổi của tình hình tham nhũng so với thời điểm ban hành Luật PCTN và thời điểm sơ kết 5 năm thực hiện Luật PCTN; nguyên nhân của những thay đổi.

2. Đánh giá chung về công tác PCTN

- Đánh giá tiến triển của công tác PCTN, so sánh kết quả, hiệu lực, hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp PCTN hiện nay với thời điểm tổng kết 5 năm thực hiện Luật PCTN năm 2011.

- Đánh giá tổng quát những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong việc thực hiện Luật PCTN; nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

- Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết Trung ương 3 (khoá X) và Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 về ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; nêu rõ những ngành, lĩnh vực đã ngăn chặn được tham nhũng, đẩy lùi được tham nhũng; những ngành, lĩnh vực PCTN chưa có tác dụng, tham nhũng có dấu hiệu gia tăng (nếu có).

- Đánh giá, phân tích cụ thể những vướng mắc, bất cập của các quy định trong Luật PCTN và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật PCTN (đưa vào Phụ lục số 3).

IV. KIẾN NGHỊ

- Đề xuất, kiến nghị để tiếp tục tăng cường thực hiện, nâng cao hiệu quả các giải pháp PCTN, tạo sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ, thực sự ngăn chặn, đẩy lùi được tệ nạn tham nhũng trong thời gian tới.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung những quy định hiện hành còn vướng mắc, bất cập (đưa vào Phụ lục số 3).

- Các kiến nghị khác.

B. PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO TỔNG KẾT

Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo theo nội dung hướng dẫn tại Mục A nêu trên, đồng thời thống kê số liệu, nội dung theo biểu mẫu phụ lục gửi kèm:

1. Phụ lục 01: Thống kê số liệu chủ yếu về công tác PCTN (thời kỳ từ ngày 01/6/2006 đến ngày 31/8/2015).

2. Phụ lục 02: Tình hình tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN (thời điểm 31/8/2015).

3. Phụ lục 03: Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN (thời kỳ từ ngày 01/6/2006 đến ngày 31/8/2015).

4. Phụ lục 04: Những vướng mắc, bất cập và kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật PCTN.

THỐNG KÊ SỐ LIỆU CHỦ YẾU
VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (Từ 01/6/2006 đến 31/8/2015)
(Kèm theo Kế hoạch số 5775/KH-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh)

MS	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng	
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	

	Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	
	Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị		
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
26a	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do có dấu hiệu tham nhũng	Người	
26b	Số yêu cầu giải trình đã được giải trình theo quy định về trách nhiệm giải trình	Yêu cầu	
26c	Tỷ lệ đã thực hiện giải trình so với số yêu cầu giải trình đủ điều kiện để giải trình	%	
	Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán		
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV	
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG		
	Qua việc tự kiểm tra nội bộ		
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	
	Qua hoạt động thanh tra		
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	Qua công tác kiểm toán		
37	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm toán	Vụ	
38	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác kiểm toán	Người	
	Qua điều tra tội phạm		
39	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
40	Số bị can tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	Công tác truy tố tội phạm tham nhũng		
41	Số vụ án tham nhũng đã bị truy tố	Vụ	
42	Số vụ án tham nhũng đã bị đình chỉ, tạm đình chỉ	Vụ	
43	Số bị can tham nhũng đã bị truy tố	Người	
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG		

44	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i>)	Vụ	
45	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i>)	Người	
	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng.	Người	
46	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
47	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
48	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét đề xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
49	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét đề xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
	+ Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
	+ Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
	+ Đất đai	m ²	
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
50	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	
51	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người	
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Người	
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương	Người	
	+ Tặng Giấy khen	Người	

Lưu ý:

- Không sửa đổi nội dung các tiêu chí báo cáo trong biểu mẫu.
- Các bộ, ngành, địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTN của bộ, ngành, địa phương (các địa phương không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn)./.

PHỤ LỤC SỐ 02

**Tình hình tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN
(Thời điểm 31/8/2015)**

(Kèm theo Kế hoạch số 5775/ICH-UBND ngày 01/9/2015 của UBND tỉnh)

TT	DIỄN GIẢI	Tổng	Trong đó		
			Cấp bộ	Cấp tỉnh	Cấp huyện (sở)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị (CQ, TC, ĐV) đang thực hiện chức năng PCTN				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
2	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
3	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc cơ quan công an				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
4	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc viện kiểm sát nhân dân				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
5	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc toà án nhân dân				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
6	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc Kiểm toán Nhà nước				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
7	Số CQ, TC, ĐV khác thực hiện chức năng PCTN				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
8	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức (CB,CC,VC) thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				

9	Tổng số CB,CC,VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
10	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc cơ quan công an				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
11	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Viện KSND				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
12	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Toà án nhân dân				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
13	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Kiểm toán Nhà nước				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
14	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức khác đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN				
15	Số CB,CC,VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN nhưng chưa được đào tạo phù hợp với nhiệm vụ về PCTN đang đảm nhiệm				
16	Số CB, CC, VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN nhưng không có chế độ đãi ngộ đặc thù				

PHỤ LỤC SỐ 03

**Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN
(Từ 01/6/2006 đến 31/8/2015)**

(Kèm theo Kế hoạch số 5775/KH-UBND ngày 01/9/2015 của UBND tỉnh)

TT	DIỄN GIẢI	Tổng	Kết quả của cơ quan thanh tra		
			Cấp bộ	Cấp tỉnh	Cấp huyện, sở
1	Số cuộc thanh tra theo kế hoạch				
2	Số cuộc kiểm tra theo kế hoạch				
3	Số cuộc thanh tra đã triển khai				
4	Số cuộc kiểm tra đã triển khai				
5	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra				
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra				
7	Số cuộc thanh tra đã có kết luận				
	Số cuộc kiểm tra đã có kết luận				
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc:				
	- Xây dựng chương trình kế hoạch PCTN				
	- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch PCTN				
	- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTN				
9	- Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị kết luận có vi phạm, thiếu sót trong thực hiện quy định về phòng ngừa tham nhũng (Phân tích chi tiết số cơ quan, tổ chức, đơn vị có vi phạm, thiếu sót trong thực hiện các quy định về phòng ngừa tham nhũng theo các nội dung sau):				
	- Công khai, minh bạch trong mua sắm công				
	- Công khai, minh bạch trong quản lý dự án đầu tư xây dựng				
	- Công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, ngân sách nhà nước				
	- Công khai, minh bạch trong việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân				
	- Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ, viện trợ				
	- Công khai, minh bạch trong quản lý đất đai, tài sản công				
	- Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức- cán bộ				

	- Trách nhiệm cung cấp thông tin				
	- Cài cách thủ tục hành chính				
	- Đổi mới công nghệ quản lý				
	- Xây dựng các chế độ, định mức, tiêu chuẩn				
	- Thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn				
	- Chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức viên chức				
	- Thực hiện các kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán				
	- Xử lý thông tin, giải quyết tố cáo về dấu hiệu tham nhũng trong nội bộ, theo chức năng quản lý nhà nước				
	- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác PCTN				
10	Số người đã có kết luận vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập				
11	Số người bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập				
12	Số người đã có kết luận vi phạm quy định về nhận quà, nộp lại quà tặng				
13	Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về nhận quà, nộp lại quà tặng				
14	Số người đã có kết luận vi phạm Quy tắc ứng xử của CBCC, viên chức				
15	Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm Quy tắc ứng xử				
16	Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị bị xử lý trách nhiệm do để xảy ra tham nhũng				
17	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận có các vi phạm, thiếu sót trong việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng				
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận có các vi phạm, thiếu sót khác trong việc thực hiện các quy định của Luật PCTN				

**NHỮNG VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ
SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**
(Kèm theo *Cố đạo* số 5775/KH-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh)

STT	Tên văn bản	Quy định có vướng mắc, bất cập	Phân tích cụ thể những vướng mắc, bất cập	Nội dung kiến nghị sửa đổi, bổ sung
1	Luật phòng, chống tham nhũng	1. Điều... khoản... điểm...	1.	1.
		2.	2.	2.
		3.	3.	3.
		4.	4.	4.
		5.	5.	5.
		6.	6.	6.
		7.	7.	7.
	
2	Bộ luật hình sự	1	1	1
		2	2	2
		3	3	3
	
3	Nghị định số....
	
	
4	Thông tư số...
	
	